XUẤT XỨ HÀNG HÓA

BỐ CỤC BÀI GIẢNG

- QUY TẮC XUẤT XỨ TRONG CÁC FTA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN
- TỔNG QUAN VỀ CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA
- KIỂM TRA VÀ XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ HÀNG HÓA

PHẦN I:

QUY TẮC XUẤT XỨ TRONG CÁC FTA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

HIỆP ĐỊNH ĐA PHƯƠNG

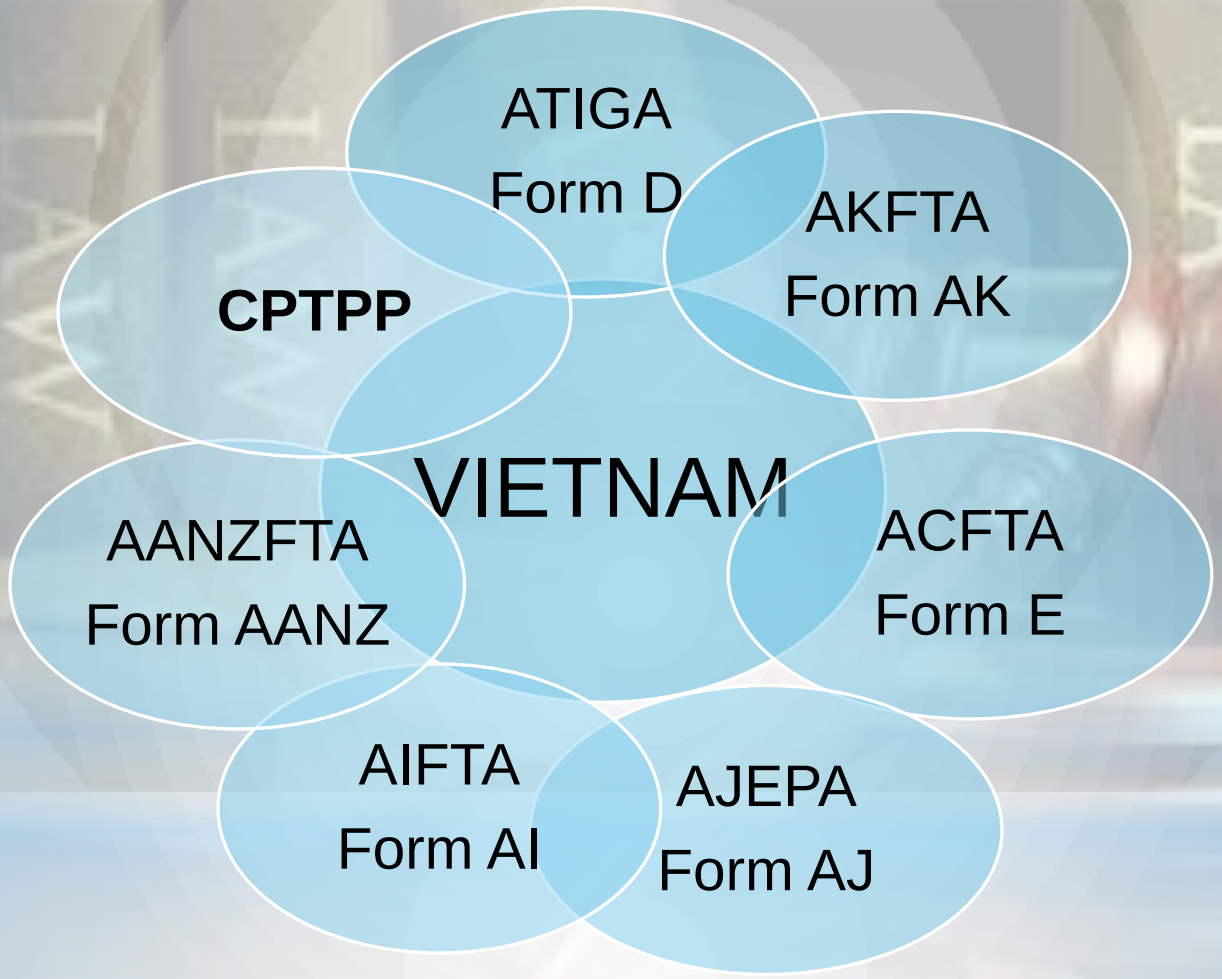

HIỆP ĐỊNH/THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG

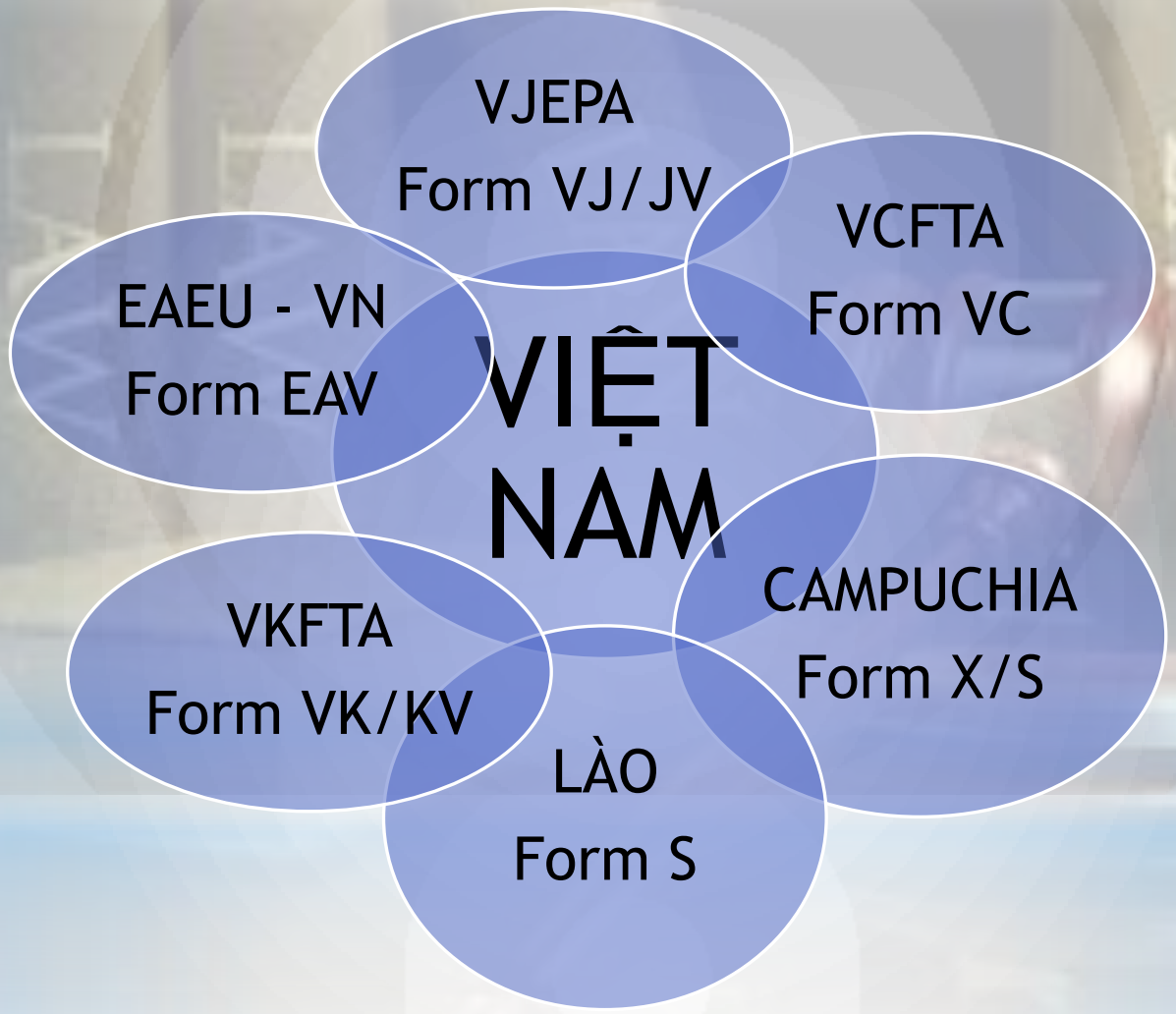

HIỆP ĐỊNH ĐANG ĐÀM PHÁN

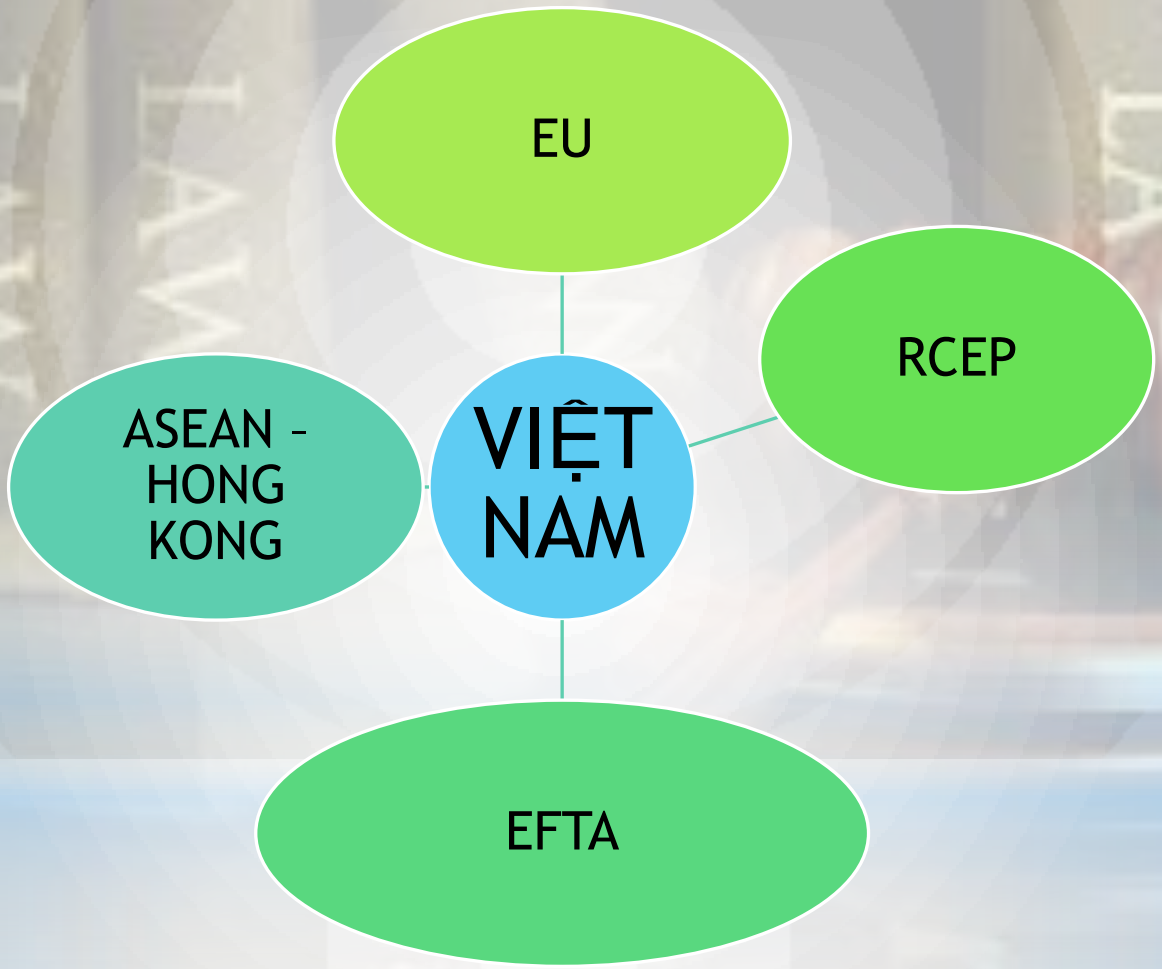

QUY TẮC XUẤT XỨ LÀ GÌ?

* **Là luật, quy định và các quyết định hành chính để <u>xác định nước xuất xứ của hàng hóa</u>**
* **Là bộ quy tắc để quyết định hàm lượng kinh tế và quốc tịch của hàng hóa**

XUẤT XỨ HÀNG HÓA LÀ GÌ?

HOẶC

CÓ NHIỀU NƯỚC HOẶC VÙNG LÃNH THỔ THAM GIA VÀO QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT RA HÀNG HÓA THÌ XUẤT XỨ HH LÀ NƠI THỰC HIỆN CÔNG ĐOẠN CHẾ BIẾN CƠ BẢN CUỐI CÙNG ĐỐI VỚI HÀNG HÓA

LÀ NƯỚC HOẶC VÙNG LÃNH THỔ NƠI SẢN XUẤT RA TOÀN BỘ HÀNG HÓA

QUY TẮC XUẤT XỨ

- ƯU ĐÃI
  - ĐƠN PHƯƠNG
  - SONG PHƯƠNG
  - ĐA PHƯƠNG
- KHÔNG ƯU ĐÃI

QUY TẮC XUẤT XỨ KHÔNG ƯU ĐÃI

LÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ XUẤT XỨ ÁP DỤNG CHO HÀNG HÓA KHÔNG HƯỞNG ƯU ĐÃI THUẾ QUAN VÀ TRONG TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP THƯƠNG MẠI KHÔNG ƯU ĐÃI VỀ:

QUY TẮC XUẤT XỨ ƯU ĐÃI

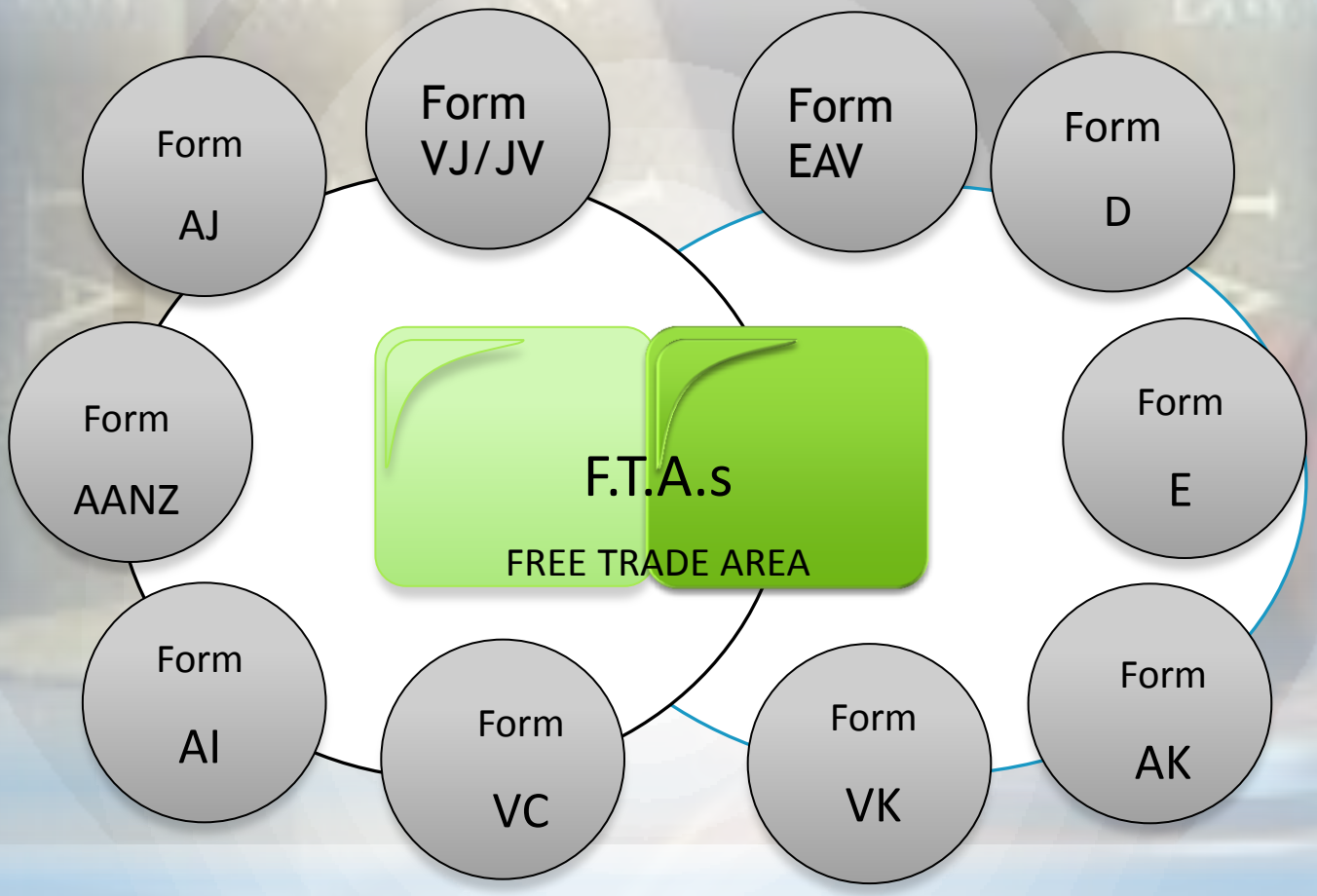

LÀ QUY ĐỊNH VỀ XUẤT XỨ ÁP DỤNG CHO HÀNG HÓA CÓ ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT VỀ THUẾ QUAN & PHI THUẾ QUAN GIỮA CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN

ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI THUẾ QUAN

ĐIỀU KIỆN HƯỞNG ƯU ĐÃI THUẾ QUAN

- ĐƯỢC NHẬP KHẨU VÀO VIỆT NAM TỪ CÁC QUỐC GIA THAM GIA F.T.A
- HÀNG HÓA NHẬP KHẨU PHẢI CÓ MÃ SỐ HS CỤ THỂ TẠI BIỂU THUẾ DO CHÍNH PHỦ BAN HÀNH
- ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ VỀ XUẤT XỨ
- ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ VỀ VẬN CHUYỂN
- ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ QUY CHẾ CẤP VÀ KIỂM TRA C/O

TIÊU CHÍ XUẤT XỨ

TIÊU CHÍ XUẤT XỨ (LOẠI- 2)

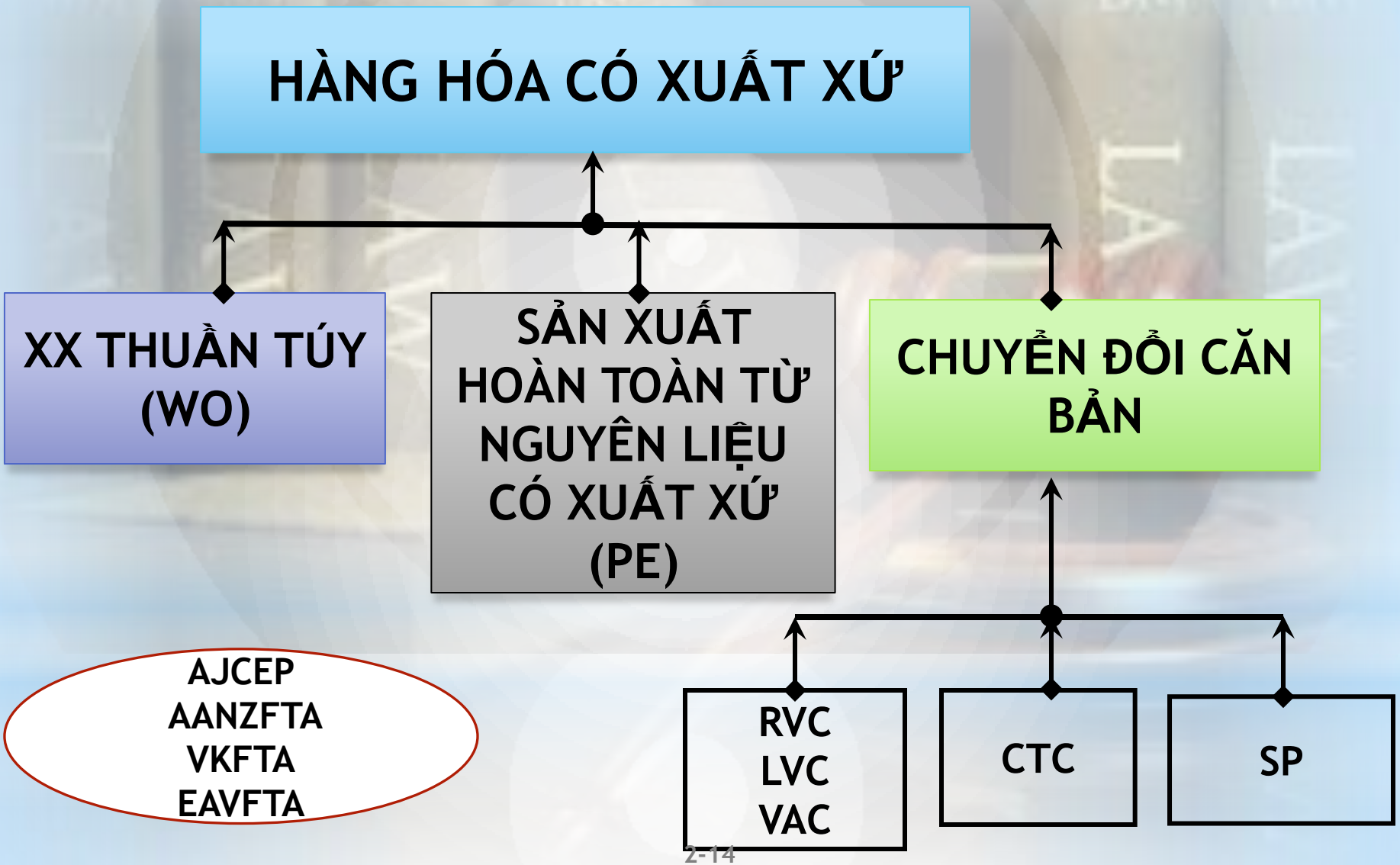

CÁC TIÊU CHÍ VỀ CHUYỂN ĐỔI CĂN BẢN

Tiêu chí chuyển đổi mã số hàng hóa

CTC

Tiêu chí chuyển đổi căn bản

Tiêu chí công đoạn gia công chế biến cụ thể

SP

Tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực

RVC

CHUYỂN ĐỔI MÃ SỐ HÀNG HÓA (CTC)

LÀ SỰ THAY ĐỔI CƠ BẢN VỀ MÃ SỐ HS (HAMONIZED SYSTEM)

CỦA HÀNG HÓA ĐƯỢC TẠO RA Ở 1 QUỐC GIA THÀNH VIÊN TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT TỪ NGUYÊN LIỆU KHÔNG CÓ XUẤT XỨ CỦA QUỐC GIA NÀY

CHUYỂN ĐỔI CHƯƠNG "CC"

LÀ SỰ CHUYỂN ĐỔI BẤT KỲ TỪ 1 CHƯƠNG ĐẾN 1 CHƯƠNG, 1 NHÓM HOẶC 1 PHÂN NHÓM KHÁC CỦA BIỂU THUẾ.

CÓ NGHĨA: TẤT CẢ CÁC NGUYÊN LIỆU KHÔNG CÓ XUẤT XỨ SỬ DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT RA SẢN PHẨM PHẢI TRẢI QUA SỰ CHUYỂN ĐỔI MÃ SỐ HS Ở CẤP ĐỘ **2 SỐ**

CHUYỂN ĐỔI NHÓM "CTH"

CTH

LÀ SỰ CHUYỂN ĐỔI BẤT KỲ TỪ 1 NHÓM ĐẾN 1 CHƯƠNG, 1 NHÓM HOẶC 1 PHÂN NHÓM KHÁC CỦA BIỂU THUẾ

CÓ NGHĨA: TẤT CẢ NGUYÊN LIỆU KHÔNG CÓ XUẤT XỨ SỬ DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT RA SẢN PHẨM PHẢI TRẢI QUA SỰ CHUYỂN ĐỔI MÃ SỐ HS **Ở CẤP ĐỘ 4 SỐ**

CHANGE IN TARIFF SUB HEADING "CTSH"

CTSH

LÀ SỰ CHUYỂN ĐỔI BẤT KỲ TỪ 1 PHÂN NHÓM ĐẾN 1 CHƯƠNG, 1 NHÓM HOẶC 1 PHÂN NHÓM KHÁC. CÓ NGHĨA: TẤT CẢ CÁC NGUYÊN LIỆU KHÔNG CÓ XUẤT XỨ SỬ DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT RA SẢN PHẨM PHẢI TRẢI QUA SỰ CHUYỂN ĐỔI MÃ SỐ HS Ở **CẤP ĐỘ 6 SỐ**

CODING SYSTEM

3 7 0 6 1 0 . 9 0

- 9 0 → ASEAN Subheadings
- 1 0 → Phân nhóm (6 số đầu)
- 0 6 → Tên nhóm (4 số đầu với tên chương)
- 3 7 → Tên chương (2 số đầu)

CHUYỂN ĐỔI MÃ SỐ

CHƯƠNG NHÓM PHÂN NHÓM

CC “CHẶT” HƠN CTH; CTH “CHẶT” HƠN CTSH

CTSH “LỎNG” HƠN CTH; CTH “LỎNG” HƠN CC

CHUYỂN ĐỔI MÃ SỐ HÀNG HÓA (CTC)

CTC chỉ AD đối với nguyên liệu không có xuất xứ

Nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng để sản xuất ra HH phải có mã HS khác với mã HS của thành phẩm mà chúng tạo nên

Ngoại lệ của CTC:

De Mininis

Ưu điểm:

Khách quan, đơn giản, rõ ràng, dễ dự đoán

Ví dụ 2: Quy tắc xuất xứ của thanh socola là "CTH". 1806 .20 là mã HS của thanh socola.

Xuất khẩu

Malaysia
Đường mía
(1701.13)

Bơ cacao
(1804.00)

Malaysia
Thanh socola
(1806.20)

Ghana
Hạt cacao
(1801.00)

Nhà máy sản xuất socola của Malaysia mua đường và bơ cacao từ một nhà sản xuất đường và nhà sản xuất bơ cacao ở Malaysia. Nhà máy này nhập khẩu hạt cacao từ Ghana. Qua quá trình chế biến và sản xuất thành thanh socola để xuất khẩu. **Vậy thanh socola có đáp ứng quy tắc xuất xứ không?**

Nguồn: Ban thư ký ASEAN

Ví dụ 3: Nhật Bản dự định xuất khẩu nước sốt cà chua sang các nước thành viên ASEAN. Quy tắc xuất xứ: "CC ngoại trừ chương 7 và chương 20". Vậy ketchup sốt cà chua có đáp ứng quy tắc xuất xứ hay không?

Quy trình chế biến diễn ra như sau:

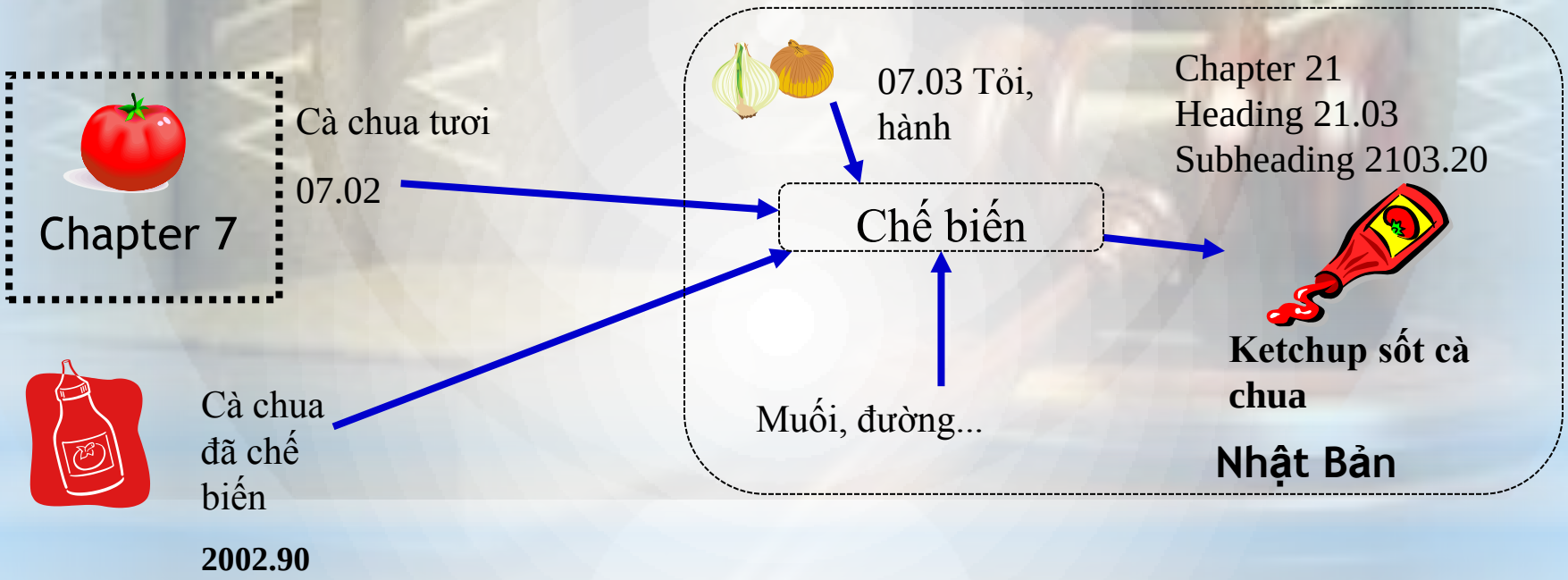

Nguồn: Ban thư ký ASEAN

HÀM LƯỢNG GIÁ TRỊ KHU VỰC (RVC)

HÀM LƯỢNG GIÁ TRỊ KHU VỰC

LÀ PHẦN GIÁ TRỊ GIA TĂNG CÓ ĐƯỢC SAU KHI QUỐC GIA THÀNH VIÊN SẢN XUẤT CÁC NGUYÊN LIỆU KHÔNG CÓ XUẤT XỨ SO VỚI TỔNG TRỊ GIÁ CỦA HÀNG HÓA ĐƯỢC SẢN XUẤT RA

HÀM LƯỢNG KHU VỰC PHẢI ĐẠT TỐI THIỂU TỪ 35% HOẶC 40% &

TÍNH THEO CÔNG THỨC:

CÔNG THỨC TÍNH TRỰC TIẾP (BUILD-UP)

$$RVC = \frac{\text{Trị giá của nguyên vật liệu có xuất xứ + Chi phí nhân công + Chi phí phân bổ + Lợi nhuận + Chi phí khác}}{\text{Giá FOB}} \times 100\%$$

CÔNG THỨC TÍNH GIÁN TIẾP (BUIL-DOWN)

$$RVC = \frac{\text{Giá FOB – Trị giá của nguyên vật liệu không xuất xứ}}{\text{Giá FOB}} \times 100\%$$

Lưu ý:

- Xác định được giá FOB?
- Xác định nguyên vật liệu không xuất xứ là gì? Cách tính trị giá của nguyên vật liệu không xuất xứ?

TRỊ GIÁ FOB?

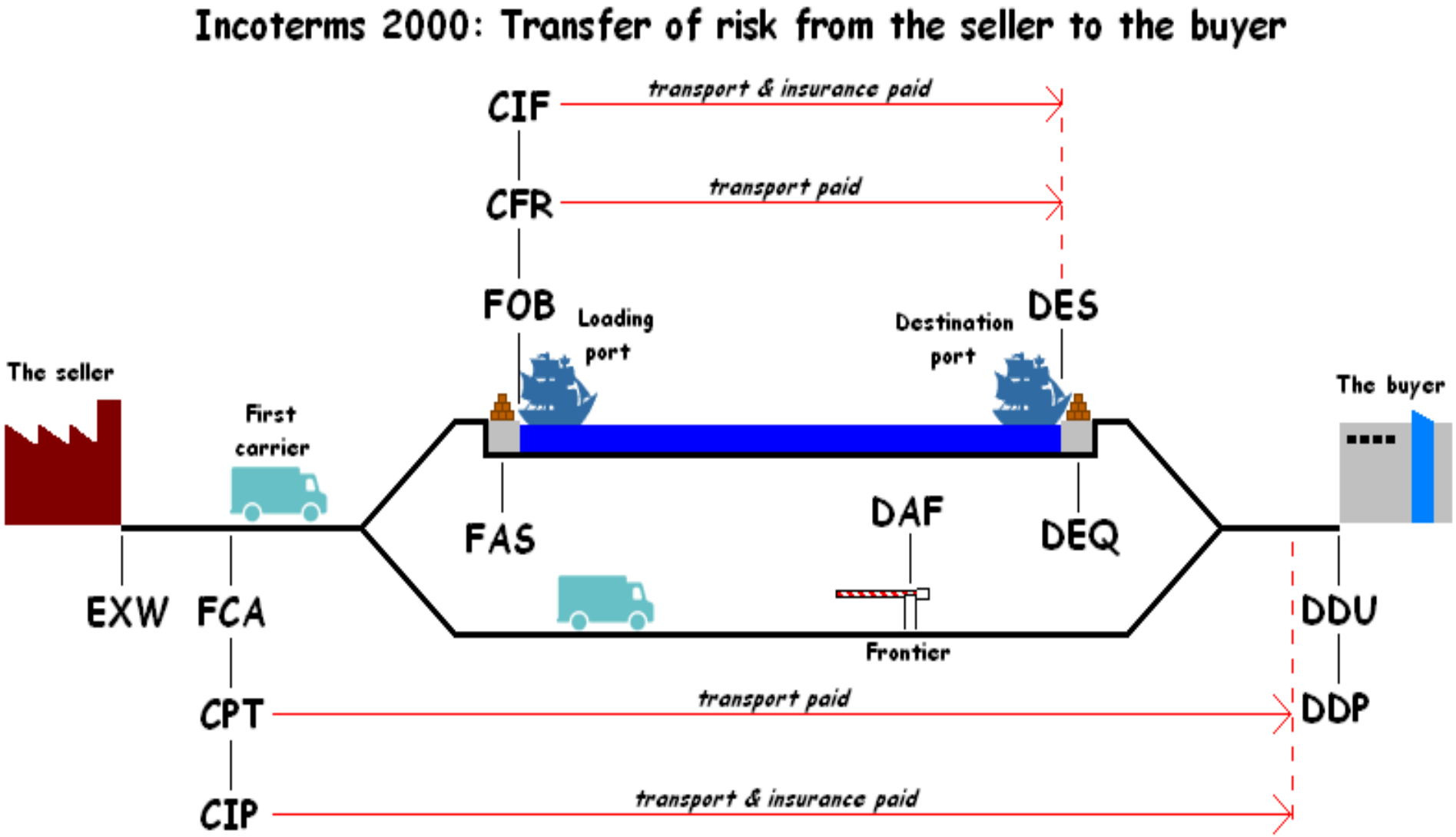
Incoterms 2000: Transfer of risk from the seller to the buyer
CIF
transport & insurance paid
CFR
transport paid
FOB
Loading port
Destination port
DES
The seller
First carrier
The buyer
FAS
DAF
DEQ
EXW
FCA
DDU
Frontier
CPT
transport paid
DDP
CIP
transport & insurance paid

TRỊ GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU KHÔNG XUẤT XỨ?

- Giá CIF tại thời điểm nhập khẩu hoặc việc nhập khẩu có thể được chứng minh; hoặc
- Giá mua đầu tiên của các hàng hoá không xác định được xuất xứ tại lãnh thổ của Nước thành viên nơi diễn ra việc sản xuất hoặc chế biến.

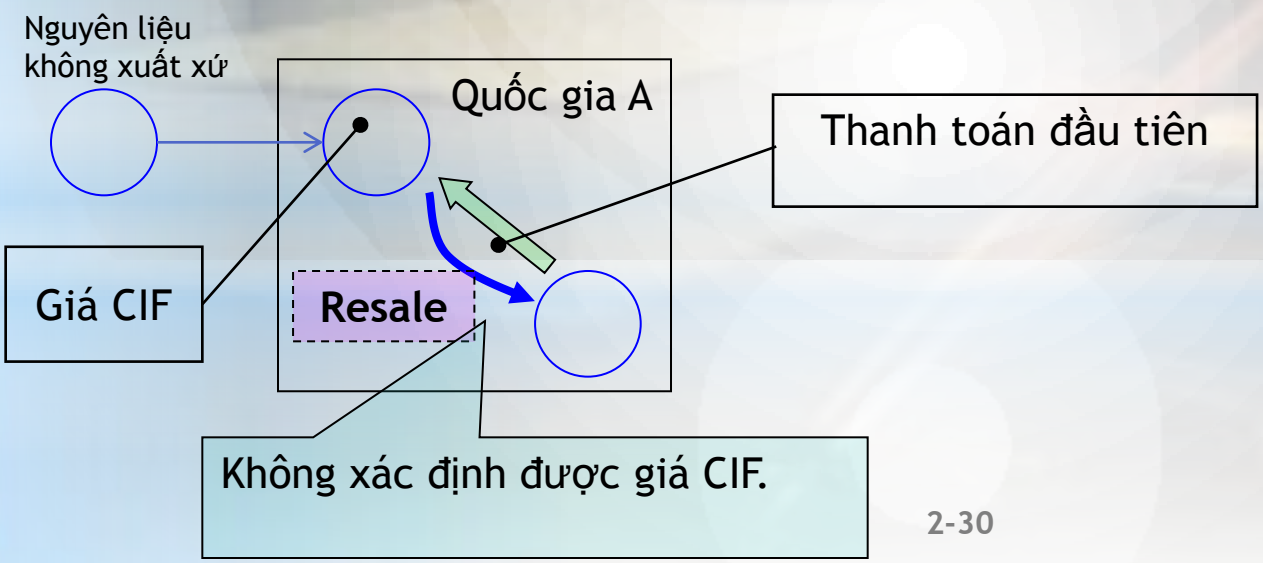

Quy tắc xuất xứ của ti vi là “Hàm lượng giá trị khu vực không dưới 40%”. Công thức tính hàm lượng giá trị khu vực như sau:

$$\text{Local content} = \frac{\text{FOB - Value of non-originating materials}}{\text{FOB value of the good}} \times 100\%$$

Brunei →

Cathode ray tube $60

Chassis frame cover $15

Taiwan

Other parts and components $30

Brunei → Export to Australia

Television $150

CÔNG ĐOẠN GIA CÔNG CHẾ BIẾN CỤ THỂ (SP)

SPECIFIC PROCESSES "S.P"

=> QUY ĐỊNH RÕ NHỮNG QUY TRÌNH, CÔNG ĐOẠN NÀO PHẢI ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG QUÁ TRÌNH SX ĐỂ HÀNG HÓA ĐƯỢC COI LÀ CÓ XUẤT XỨ

SPECIFIC PROCESSES "SP"

Ví dụ:

1509.10 (dầu ô liu): RVC 40 hoặc CC hoặc không thay đổi mã số hàng hóa với điều kiện sản phẩm được sản xuất bằng quy trình tinh chế (AANZFTA)

TIÊU CHÍ VẬN CHUYỂN (VẬN CHUYỂN TRỰC TIẾP)

Tiêu chí vận chuyển

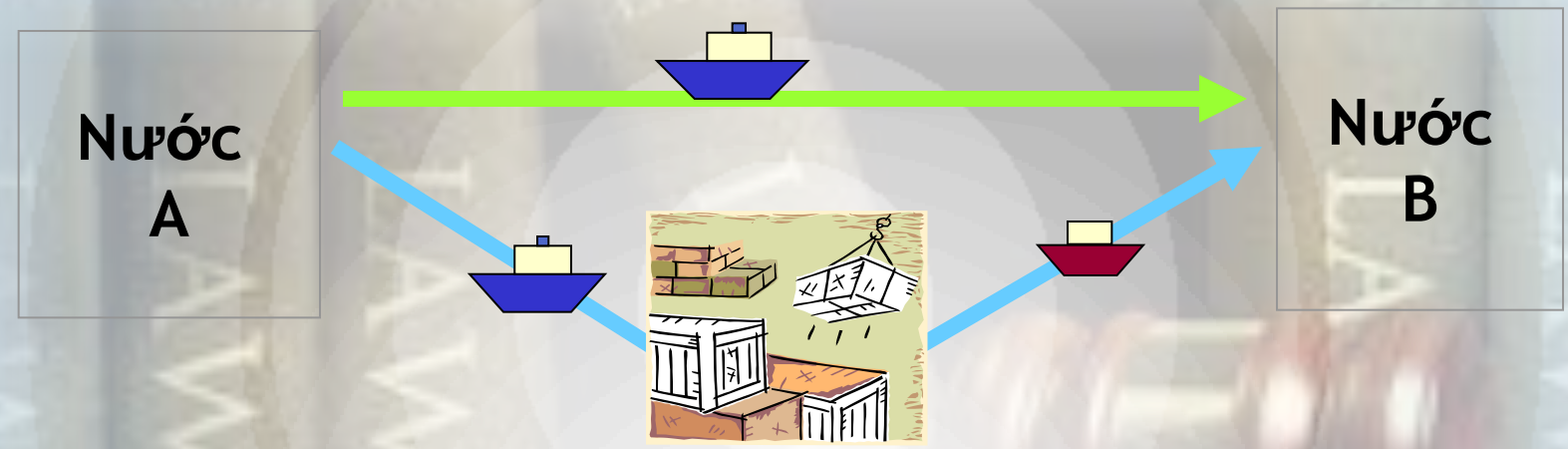

Nước thứ 3

"Tiêu chí vận chuyển" là tiêu chí để xác định hàng hóa có còn giữ nguyên xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan trong quá trình vận chuyển từ 1 nước thành viên sang 1 nước thành viên khác.

Điều kiện để đáp ứng tiêu chí này:

i. Vận chuyển trực tiếp;

ii. Nếu chuyển tải thì chỉ nhằm mục đích bốc, dỡ hay bất kỳ hành động cần thiết nào để giữ hàng hóa trong tình trạng tốt.

Nguồn: Ban thư ký ASEAN

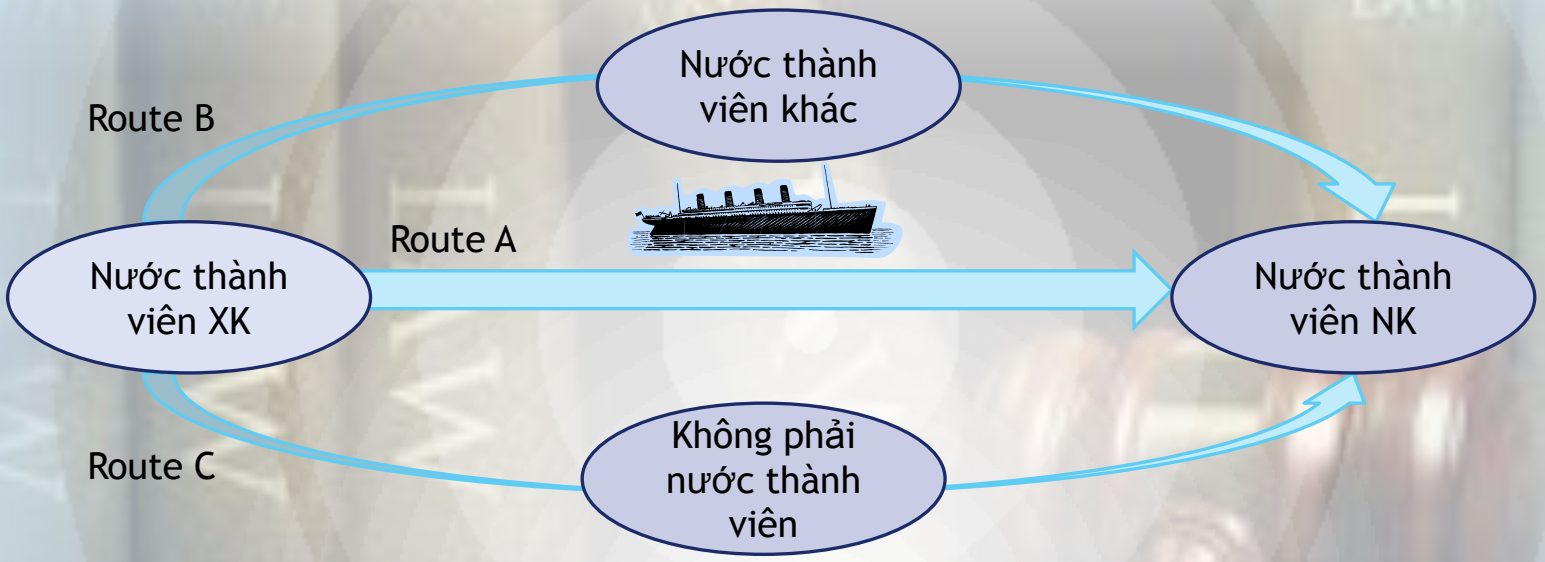

Cần phải đáp ứng yêu cầu sau:

(i) Chuyển tải vì lý do địa lý hoặc đáp ứng yêu cầu vận chuyển

(ii) Hàng hóa không được buôn bán hay tiêu thụ tại đó

(iii) Hàng hóa không trải qua bất kỳ công đoạn gia công chế biến nào ngoại trừ việc bốc, dỡ hay bất kỳ hành động nào để đảm bảo hàng hóa trong tình trạng tốt

VẬN CHUYỂN TRỰC TIẾP

Khi hàng hóa được vận chuyển qua nước trung gian không phải là nước thành viên (Ngoại trừ AKFTA: Nước thành viên XK, NK), các chứng từ phải nộp cho CQHQ nước NK

- Vận đơn chở suốt do nước thành viên XK cấp
- Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O)
- Bản sao của Hóa đơn thương mại
- Các chứng từ khác

CHỨNG TỪ CHỨNG MINH HH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VẬN CHUYỂN TRỰC TIẾP

* Xác nhận của cơ quan HQ nước quá cảnh/hãng vận tải phát hành vận đơn.
* Xác nhận của chi nhánh, đại lý, công ty con kèm giấy ủy quyền của hãng vận tải.
* Vận đơn và lệnh giao hàng thể hiện số container, số chì không thay đổi.

PHẦN II:

TỔNG QUAN VỀ CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA

CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ (CERTIFICATION OF ORIGIN)

TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ (SELF-CERTIFICATION)

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ (C/O)

Là văn bản do tổ chức có thẩm quyền thuộc quốc gia hoặc vùng lãnh thổ xuất khẩu hàng hóa cấp dựa trên những quy định và yêu cầu liên quan về xuất xứ, chỉ rõ nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa

C.O. Issuing/Relevant Authorities

Australia	Australian Chamber of Commerce and Industry Australian Industry Group	www.acci.asn.au/ www.aigroup.com.au/
Brunei Darussalam	Ministry of Foreign Affairs and Trade	www.mofat.gov.bn
Cambodia	Ministry of Commerce	www.moc.gov.kh
China	AQSIQ	www.aqsiq.net/
India	Department of Commerce, Ministry of Commerce and Industry	www.commerce.nic.in/
Indonesia	Indonesia Ministry of Trade	www.depdag.go.id www.tarif.depkeu.go.id
Japan	Ministry of Economy, Trade & Industry (Japan Chamber of Commerce and Industry)	www.meti.go.jp www.jcci.or.jp
Korea	customs offices and chambers of commerce and industry	www.customs.go.kr www.korcham.net
Laos	Ministry of Industry and Commerce Directorate of Import and Export Lao National Chamber of Commerce and Industry	www.moc.gov.la
Malaysia	Ministry of International Trade and Industry	www.miti.gov.my
Myanmar	Directorate of Trade, Ministry of Commerce	c/o http://www.aseansec.org
New Zealand	Auckland Regional Chamber of Commerce and Industry , etc	www.aucklandchamber.co.nz
Singapore	Singapore Customs	www.customs.gov.sg
Thailand	Department of Foreign Trade, Ministry of Commerce	www.dft.moc.go.th http://www.thaiffta.com
Philippines	Bureau of Customs	www.customs.gov.ph
Viet Nam	Import-Export Administration Office Ministry of Industry and Trade	www.moit.gov.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ (C/O)

Hình thức cấp:

- Văn bản giấy thông thường: có chữ ký và dấu đóng bằng tay
- Chứng từ điện tử: Là thông tin được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ bằng phương tiện điện tử.

CÁC TIÊU CHÍ TỐI THIỂU TRÊN C/O

a. Tên người XK, địa chỉ, quốc gia
b. Tên người nhận hàng, địa chỉ, tên nước
c. Số tham chiếu
d. Xuất xứ hàng hóa
e. Số và ngày tháng hóa đơn
f. Thông tin vận chuyển
g. Mã HS
h. Ký hiệu, số hiệu kiện hàng, mô tả hàng hóa
i. Số lượng
j. Tiêu chí xuất xứ
k. Khai báo của người XK
l. Chứng nhận

CÁC MẪU FORM C/O CHỦ YẾU SỬ DỤNG HIỆN NAY

MÀU SẮC C/O BẢN ORIGINAL

FTAs	FORM	MÀU SẮC
ATIGA	D	TRẮNG, CHỮ XANH
ACFTA	E	MÀU BE
AJCEP	AJ	(NHẬT: VÀNG NHẠT)
AKFTA	AK	TRẮNG, CHỮ ĐEN
AIFTA	AI	TRẮNG, CHỮ TÍM
AANZFTA	AANZ	TRẮNG, CHỮ ĐEN
VJEPA	VJ/JV	(NHẬT: XANH NHẠT)
VCFTA	VC	TRẮNG
VKFTA	VK/KV	TRẮNG
VN-EAEUFTA	EAV	TRẮNG

TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ (SELF-CERT)

Tự chứng nhận xuất xứ là việc nhà sản xuất, nhà xuất khẩu hoặc nhà nhập khẩu hàng hóa tự khai báo xuất xứ của hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu trên hóa đơn thương mại hoặc bất kỳ chứng từ thương mại nào khác thay cho giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa do tổ chức được chính phủ của nước xuất khẩu ủy quyền cấp.

Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ trong ASEAN

- Bước đầu thực hiện Dự án thí điểm.
- Cho phép ***nhà xuất khẩu đủ điều kiện*** tự chứng nhận xuất xứ trên hóa đơn thương mại cho hàng hóa xuất khẩu.
- Nhà xuất khẩu đủ điều kiện là nhà xuất khẩu được cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp phép đủ điều kiện được tự chứng nhận xuất xứ.

KIỂM TRA TỰ CHỨNG NHẬN XX

* *"The exporter of the product(s) covered by this document (Certified Exporter Authorization Code.....) declares that, except where otherwise clearly indicated, the product(s) (HS Code/s:.....) satisfy the Rules of Origin to be considered as ASEAN Originating Products under ATIGA (ASEAN country of origin: .....) with origin criteria: ……."*

(Signature over Printed Name of the Authorized Signatory)

*

CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ TRONG CPTPP

- Yêu cầu để hưởng ưu đãi thuế quan:

Người nhập khẩu có thể yêu cầu cho hưởng ưu đãi thuế quan, dựa trên chứng nhận xuất xứ được hoàn thành bởi người xuất khẩu, người sản xuất, hoặc người nhập khẩu.

- Yêu cầu về chứng nhận xuất xứ:

+ Không cần làm theo mẫu

+ Phải được làm bằng văn bản, bao gồm cả định dạng điện tử;

+ Nêu rõ hàng hóa vừa có xuất xứ vừa đáp ứng yêu cầu chứng nhận xx; và

+ Bao gồm các yêu cầu tối thiểu như quy định.

PHẦN III:

KIỂM TRA VÀ XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

VĂN BẢN PHÁP QUY VỀ XUẤT XỨ

VĂN BẢN CHUNG

- Luật Dân sự
- Luật Thương mại
- Luật Hải quan (Điều 27, Điều 28)
- Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 25/01/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan.
- Nghị định 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ 08/2015/NĐ-CP
- Nghị định 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa.
- Thông tư 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 quy định về xuất xứ hàng hóa.

VĂN BẢN CHUNG

- Thông tư 38/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 quy định thực hiện chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo GSP của Liên minh Châu Âu, Na Uy, Thụy Sỹ và Thổ Nhĩ Kỳ
- Thông tư 28/2015/TT-BCT ngày 20/8/2015 quy định thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN
- Thông tư 27/2017/TT-BCT ngày 6/12/2017 sửa đổi TT 28/2015/TT-BCT quy định thực hiện thí điểm tự CNXX hàng hóa trong ASEAN
- Thông tư 38/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
- Thông tư 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA ATIGA

- Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016 về Quy chế xuất xứ ASEAN (C/O mẫu D).
- Nghị định số 156/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 Ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2018-2022.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA ASEAN - TRUNG QUỐC

- Quyết định 12/2007/QĐ-BTM ngày 31/5/2007 ban hành quy chế cấp gcnxx mẫu E để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định ACFTA
- Thông tư số 36/2010/TT-BCT ngày 15/11/2010 của Bộ Công Thương hướng dẫn một số nội dung bãi bỏ và thay thế Quyết định 12/2007/QĐ-BTM.
- Thông tư số 01/2011/TT-BCT ngày 14/01/2011 thực hiện quy tắc thủ tục cấp và kiểm tra xuất xứ sửa đổi và quy tắc cụ thể mặt hàng theo hệ thống hài hòa phiên bản 2007
- Thông tư số 21/2014/TT-BCT ngày 25/6/2014 của Bộ Công Thương về sửa đổi bổ sung Quy tắc cụ thể mặt hàng ban hành kèm theo TT 36/2010/TT-BCT
- Nghị định số 153/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc giai đoạn 2018-2022.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA ASEAN - HÀN QUỐC

- Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc.
- Thông tư số 04/2015/TT-BCT ngày 16/3/2015 sửa đổi, bổ sung Quy tắc cụ thể mặt hàng ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2014
- Thông tư số 26/2018/TT-BCT ngày 14/9/2018 sửa đổi, bổ sung phụ lục IV, Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2014
- Nghị định số 157/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 ban hành biểu thuế ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc giai đoạn 2018-2022.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA ASEAN - NHẬT BẢN

- Quyết định số 44/2008/QĐ-BCT ban hành quy chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ mẫu AJ để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản
- Nghị định số 160/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản giai đoạn 2018-2023.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA ASEAN - AUSTRALIA - NEWZEALAND

- Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24/9/2015 về quy chế xuất xứ AANZFTA.
- Thông tư số 42/2018/TT-BCT ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của TT 31/2015/TT-BCT
- Nghị định số 158/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN-Úc-Niu Dilân giai đoạn 2018-2022.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA ASEAN - ẤN ĐỘ

- Thông tư số 15/2010/TT-BCT ngày 15/04/2010 về quy chế xuất xứ AIFTA.
- Nghị định số 159/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN-Ấn Độ giai đoạn 2018-2022.a

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA VIỆT NAM - NHẬT BẢN

- Thông tư số 10/2009/TT-BCT ngày 18/05/2009 của Bộ CT về Quy chế xuất xứ để thực hiện Hiệp định đối tác kinh tế Việt - Nhật
- Nghị định số 155/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt củ Việt Nam để thực hiện Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về đối tác kinh tế giai đoạn 2018-2023.t

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA VIỆT NAM - CHILE

- Thông tư 31/2013/TT-BCT ngày 15/11/2013 quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê hông tư số 15/2010/TT-BCT ngày 15/04/2010 về quy chế xuất xứ AIFTA.
- Thông tư 05/2015/TT-BTC ngày 27/3/2015 sửa đổi bổ sung C/O ban hành kèm theo Thông tư 31/2013/TT-BCT
- Nghị định số 154/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Chi Lê giai đoạn 2018-2022.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA VIỆT NAM - HÀN QUỐC

- Thông tư 40/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Hàn Quốc
- Thông tư 48/2015/TT-BCT ngày 14/12/2015 bổ sung sửa đổi Thông tư 40/2015/TT-BCT
- Nghị định số 149/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2018-2022

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA VIỆT NAM - LIÊN MINH KINH TẾ Á ÂU

- Thông tư 21/2016/TT-BCT ngày 20/9/2016 quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu.
- Thông tư 11/2018/TT-BCT ngày 29/5/2018 sửa đổi, bổ sung TT 21/2016/TT-BCT
- Nghị định số 150/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa một bên là Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bên kia là Liên minh kinh tế Á - Âu và các nước thành viên giai đoạn 2018-2022

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN CPTPP

- Thông tư 03/2019/TT-BCT ngày 22/01/2019 quy định Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương.

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ HÀNG HÓA XK, NK

Quy định tại Đ27, Luật HQ:

- Người khai hải quan tự khai, chịu trách nhiệm trước pháp luật về xuất xứ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu
- Cơ quan hải quan xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trên nội dung khai của người khai hải quan, chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và thực tế hàng hóa.
- **Chứng từ chứng nhận xuất xứ: C/O hoặc tự chứng nhận xuất xứ**

XÁC ĐỊNH XXHH XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

- Nghi ngờ gian lận:
  - Yêu cầu người khai cung cấp chứng từ chứng minh
  - Xác minh tại cơ sở sản xuất hoặc tại nước xuất khẩu.
  - Trong khi chờ kết quả kiểm tra, hàng hóa được thông quan theo quy định.
  - Hàng hóa nhập khẩu không được hưởng ưu đãi đặc biệt
- Kết quả kiểm tra, xác minh: có giá trị pháp lý

CÁC TRƯỜNG HỢP PHẢI NỘP CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ (Điều 4, 6, TT38)

Các TH phải nộp CTCNXX

* Các TH phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP:

- Hàng hoá được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt.
- Hàng hoá nhập khẩu phải tuân thủ theo các chế độ quản lý nhập khẩu đặc biệt.
- Hàng hoá nhập khẩu đang ở trong thời điểm có nguy cơ gây hại đến an toàn xã hội, sức khoẻ của cộng đồng hoặc vệ sinh môi trường.
- Hàng hoá nhập khẩu bị áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ giá, các biện pháp tự vệ, biện pháp hạn ngạch thuế quan, biện pháp hạn chế số lượng.

* TH phải nộp theo quy định tại Điều 24 Luật Hải quan thực hiện theo Danh mục hàng hóa quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư

Các TH không phải nộp CTCNXX

- Hàng xuất khẩu
- Hàng hoá nhập khẩu hưởng thuế suất MFN hoặc thông thường.
- Hàng hoá nhập khẩu hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt có trị giá FOB <= 200 USD, (VKFTA <= 600USD), CPTPP <=1000USD)

THỜI ĐIỂM NỘP CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

➢ Đối với các mẫu C/O (trừ VK/KV, EAV):

- Nộp bản chính tại thời điểm làm thủ tục hải quan (tính từ thời điểm đăng ký tờ khai đến trước khi hàng hóa được thông quan).
- TH chưa có bản chính , người khai phải khai báo việc nộp bổ sung C/O trên tờ khai và nộp C/O trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai. Trong thời gian chưa nộp C/O=> khai báo theo mức thuế MFN

THỜI ĐIỂM NỘP CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

➢ Đối với các mẫu C/O (trừ VK/KV, EAV):

- Ngoài thời hạn nêu trên, chỉ xem xét nộp bổ sung trong các TH:

✓ Tại thời điểm đăng ký TK: mã HS khai báo, thuế suất MFN<= thuế suất ưu đãi đặc biệt. DN khai thuế suất MFN khi làm thủ tục hải quan, không áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt. Sau khi hàng đã thông quan, CQHQ kiểm tra sau thông quan xác định lại mã HS hoặc DN khai bổ sung mã HS theo mã HS mới thì thuế suất MFN> thuế suất ưu đãi đặc biệt

✓ Tại thời điểm đăng ký TK: hàng hóa thuộc đối tượng theo diện ưu đãi đầu tư được miễn thuế nhập khẩu. Sau khi đã thông quan, CQHQ kiểm tra sau thông quan (hoặc DN tự phát hiện) xác định hàng hóa không thuộc diện ưu đãi đầu tư.

THỜI ĐIỂM NỘP CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

➢ Đối với C/O VK/KV:

- Nộp bản chính tại thời điểm làm thủ tục hải quan (tính từ thời điểm đăng ký tờ khai đến trước khi hàng hóa được thông quan).
- TH không có bản chính C/O tại thời điểm làm thủ tục hải quan, người khai phải khai báo việc nộp bổ sung C/O trên tờ khai và nộp C/O trong vòng 01 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan. Trong thời gian chưa nộp C/O=> khai báo thuế suất MFN

THỜI ĐIỂM NỘP CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

➢ Đối với C/O EAV:

- Nộp bản chính tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan đối với TH khai tờ khai giấy và tại điểm nộp các chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan với TH khai hải quan điện tử.
- Ngoài thời hạn nêu trên CQHQ chỉ xem xét đề nghị nộp bổ sung C/O trong TH: Nếu do lỗi hoặc sai sót không cố ý trên bản gốc Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, cơ quan được ủy quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa thay thế cho bản gốc Giấy chứng nhận xuất xứ. Trong trường hợp này, Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải ghi rõ cụm từ "ISSUED IN SUBSTITUTION FOR THE CERTIFICATE OF ORIGIN NUMBER ___ DATE ___". Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cấp thay thế này có hiệu lực không quá 12 tháng kể từ ngày cấp bản gốc Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

THỦ TỤC KIỂM TRA VÀ XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ HÀNG HÓA NK

KIỂM TRA C/O

Tra cứu thông tin trên dữ liệu điện tử:

*C/O có trên website của cơ quan cấp:

- Truy cập vào trang web: VD đối với CO form AK

http://cer.korcham.net (Authencticity of a document certified by KCCI)

http://english.customs.go.kr (Information plaza/C/O)

- Đối chiếu thông tin trên website và bản giấy CO
- Lưu hồ sơ bản giấy CO và bản in từ website

*C/O được truyền điện tử:

- Tiếp nhận C/O trên hệ thống
- Cập nhật việc nhận C/O trên hệ thống

KIỂM TRA C/O

KIỂM TRA HÌNH THỨC

KIỂM TRA NỘI DUNG

HÌNH THỨC C/O

TRÊN C/O PHẢI THỂ HIỆN KÝ HIỆU:

- FORM D, FORM E,
- FORM AK, FORM AI,
- FORM AANZ,
- FORM AJ, VJ,
- FORM VC, VK, EAV

& TÊN CỦA QUỐC GIA CẤP C/O

HÌNH THỨC

KÍCH THƯỚC,
MÀU SẮC,
NGÔN NGỮ,
MẶT SAU

SỐ THAM CHIẾU

MỖI C/O ĐỀU CÓ SỐ THAM CHIẾU RIÊNG

TIÊU CHÍ C/O

PHẢI THỂ HIỆN ĐẦY ĐỦ CÁC NỘI DUNG

NỘI DUNG C/O

Đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ không có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu trong quan hệ thương mại với Việt Nam thuộc trường hợp phải nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Điều 4 Thông tư 38, cơ quan hải quan kiểm tra việc khai đầy đủ các tiêu chí sau trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa:

a) Người xuất khẩu;

b) Người nhập khẩu;

c) Phương tiện vận tải;

d) Mô tả hàng hóa, mã số hàng hóa;

đ) Số lượng, trọng lượng hoặc khối lượng hàng hóa;

e) Nước, nhóm nước, vùng lãnh thổ xuất xứ hàng hóa;

g) Ngày/tháng/năm cấp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa;

h) Chữ ký trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

NỘI DUNG C/O

Đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu trong quan hệ thương mại với Việt Nam: kiểm tra các tiêu chí phải được khai đầy đủ, hợp lệ trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo đúng mẫu quy định tại Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

* Dấu, chữ ký
* Hiệu lực của C/O
* Sự phù hợp thống nhất giữa các thông tin trên C/O và giữa C/O với các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan (Tên người NK, tên hàng, lượng hàng, mã HS, trị giá, hóa đơn TM)
* Tiêu chí xuất xứ
* Hành trình vận chuyển lô hàng
* C/O cấp sau
* C/O giáp lưng
* C/O cấp thay thế

NỘI DUNG C/O

* Dấu, chữ ký
* Hiệu lực của C/O
* Sự phù hợp thống nhất giữa các thông tin trên C/O và giữa C/O với các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan (Tên người NK, tên hàng, lượng hàng, mã HS, trị giá, hóa đơn TM)
* Tiêu chí xuất xứ
* Hành trình vận chuyển lô hàng
* C/O cấp sau
* C/O giáp lưng
* C/O cấp thay thế

CÁC LỖI NHỎ VÀ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Trường hợp không có nghi ngờ về xuất xứ, việc phát hiện những lỗi nhỏ sau đây không làm mất hiệu lực của C/O nếu những khác biệt đó vẫn phù hợp với hàng hóa nhập khẩu thực tế:

1. Lỗi chính tả hoặc đánh máy;
2. Khác biệt trong cách đánh dấu tại các ô trên C/O: đánh dấu bằng máy hoặc bằng tay, đánh dấu bằng "x" hay "√", nhầm lẫn trong việc đánh dấu
3. Khác biệt nhỏ giữa chữ ký trên C/O và chữ ký mẫu;
4. Khác biệt về đơn vị đo lường trên C/O và các chứng từ khác (hóa đơn, vận tải đơn,…);

5. Sự khác biệt giữa khổ giấy của C/O nộp cho cơ quan hải quan với mẫu C/O theo quy định;
6. Sự khác biệt về màu mực (đen hoặc xanh) của các nội dung khai báo trên C/O;
7. Sự khác biệt nhỏ trong mô tả hàng hóa trên chứng từ chứng nhận xuất xứ và chứng từ khác;
8. Sự khác biệt mã số trên C/O với mã số trên tờ khai hải quan nhập khẩu nhưng không ảnh hưởng đến bản chất xuất xứ của hàng hóa.

HÓA ĐƠN BÊN THỨ 3

Xác định hóa đơn thương mại nước thứ ba: căn cứ vào thông tin về các bên trong hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại, vận tải đơn, C/O

HÓA ĐƠN BÊN THỨ 3

<u>Hình minh họa:</u> C/O do Trung Quốc phát hành, hóa đơn thương mại do Hàn Quốc phát hành

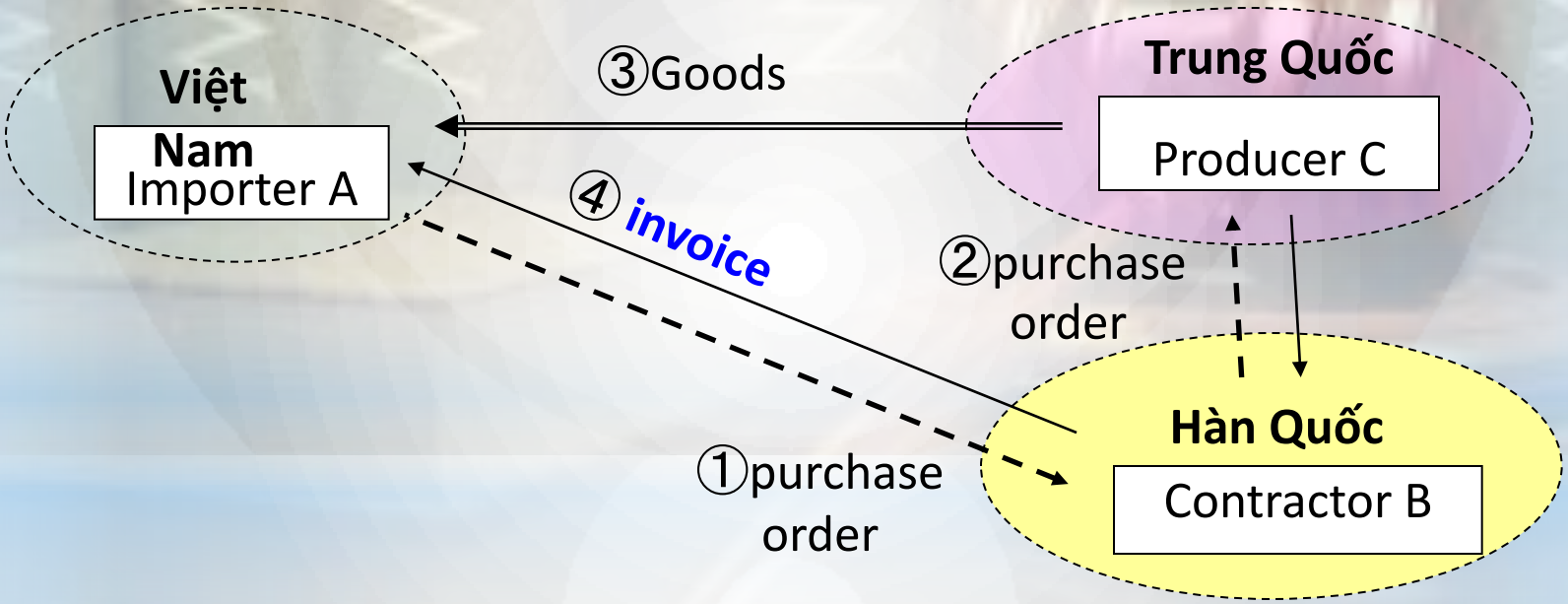

KIỂM TRA TIÊU CHÍ XUẤT XỨ

- Hàng hóa có xuất xứ:

  + Xuất xứ thuần túy: WO

  + Xuất xứ không thuần túy:

- Trình tự kiểm tra hàng có XX không thuần túy:

  (1): tra cứu Danh mục sản phẩm cụ thể (PSR).

  (2) Tiêu chí khác: RVC/CTH/SP/….

QUY ĐỊNH VỀ CHUYỂN ĐỔI CĂN BẢN

CÁC FTAs	QUY ĐỊNH VỀ CHUYỂN ĐỔI CĂN BẢN	
	Quy tắc chung	**Quy tắc cụ thể mặt hàng (PSR)**
ATIGA **VCFTA** **AKFTA** **VJEPA** **AJCEP**	Chuyển đổi mã HS ở cấp 4 số (CTH) hoặc RVC >= 40%	PSR được áp dụng cho hàng hóa không áp dụng quy tắc chung
ACFTA	RVC >= 40%	PSR được áp dụng cho hàng hóa không áp dụng quy tắc chung
AANZFTA **VKFTA** **EAVFTA**	**Quy tắc cụ thể mặt hàng PSR**	
AIFTA	**Quy tắc chung** RVC>=35% + CTSH (chuyển đổi mã HS cấp 6 số)	

VÍ DỤ: KIỂM TRA TIÊU CHÍ CTC

Công ty TNHH Vinataba – Philip Morris NK mặt hàng: Keo dán bao thuốc lá, mã HS: 3506.91.00.

C/O mẫu D của Philipines cấp thể hiện tại ô số 8: CTH

Phụ lục PSR: Tiêu chí XX: RVC (40) hoặc CTSH

=> Công ty có được hưởng ưu đãi thuế quan không?

Thank You!